

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 10/09/2019.

V/v “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Cao Phước Nghĩa**.

Ông **Bùi Việt Thái**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện VKSND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Ông **Nguyễn Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 09 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 256/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10/06/2019 về vụ “Tranh chấp về ly hôn và con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/08/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Tr**, sinh năm: 1971 (Có mặt).

* Bị đơn: Anh **Phan Ngọc T**, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

Cùng Địa chỉ: Ấp Sơn Bình, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Tr trình bày như sau:**

- *Về hôn nhân:* Chị và anh T tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng ý nên đến hôn nhân. Anh chị có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Thới Đông, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 02/10/1993. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc có với nhau 03 người con chung. Đến đầu năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu

thuần do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên bỏ nhà đi không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Đến đầu năm 2013 chị và anh T đã sống ly thân cho đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Anh chị có 03 người con chung tên Phạm Thị Mỹ Linh, sinh ngày 28/09/1993, Phan Chí Tình, sinh ngày: 08/10/1995 và Phan Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 22/04/2004. Hiện nay 02 con chung là cháu Linh và cháu Tình đã trưởng thành có gia đình riêng và không bị nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn cháu Nhung hiện nay đã sống cùng chị nên chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về T sản chung và nợ chung:* Chị khai nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Phan Ngọc T:** Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

- Chị Đỗ Thị Trgiữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên là đại diện VKSND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo tố tụng: Việc tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện tốt các quyền cũng như nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đỗ Thị Tr. Cho chị Trđược ly hôn với anh Phan Ngọc T. Về con chung: Giao 01 con chung tên là Phan Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 22/04/2004 cho chị Trnuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về T sản chung và nợ chung: Không xét. Về án phí buộc chị Trphải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Ngọc T là bị đơn trong vụ đã được triệu tập họp lệ 02 lần nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Theo chị Trtrình bày chị và anh T tự tìm hiểu thương yêu nhau đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi nhau do giữa anh chị bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân nhau hơn 06 năm nay. Nay chị Tryêu cầu xin ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị Trxin ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận. Vì theo như chị Trtrình bày từ năm 2013 chị và anh T ly thân cho đến nay thì vợ chồng không ai còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như những nghĩa vụ sống chung với nhau. Tại biên bản lấy lời khai của chị Phan Thị Mỹ Linh (là con ruột của chị Trvà anh T) ngày 30/07/2019 khai nhận: “*Cha mẹ chị có mâu thuẫn cự cãi nhau cha chị đã bỏ ra ngoài sinh sống. Nhiều năm nay cha mẹ đã không còn chung sống với nhau*”. Đồng thời, anh T cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Tr. Tại phiên tòa hôm nay chị Trvẫn cương quyết xin ly hôn với anh T. Từ đó, có căn cứ cho rằng hôn nhân giữa chị Trvà anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr.

- *Về con chung*: Anh chị có 03 người con chung tên là Phạm Thị Mỹ Linh, sinh ngày 28/09/1993, Phan Chí Tình, sinh ngày: 08/10/1995 và Phan Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 22/04/2004. Hiện nay 02 con chung là cháu Linh và cháu Tình đã trưởng thành có gia đình riêng và không bị nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn cháu Nhung hiện nay đã sống cùng chị nên chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu nuôi con của chị Trlà có cơ sở để chấp nhận. Vì hiện nay chị Trlà người đang nuôi dưỡng cháu Nhung và tại bản tự khai cháu Nhung có ý kiến là muốn sống với mẹ. Nên cần giao 01 con chung là Phan Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 22/04/2004 cho chị Trđược tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Trong thời gian chị Trnuôi dưỡng con chung thì anh T được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Trxác nhận hiện nay chị có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng là 6.000.000 đồng/tháng đủ Trtrả cho cuộc sống nên chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về T sản chung và nợ chung*: Chị khai nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Đỗ Thị Trphải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 56; Điều 57, Điều 81 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Tr.

1. Về Hôn nhân: Chị Đỗ Thị Tr. được ly hôn với anh Phan Ngọc T.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên là Phan Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 22/04/2004 cho chị Tr. được tiếp tục nuôi dưỡng. Trong thời gian chị Tr. nuôi dưỡng con chung thì anh T. được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về T. sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Đỗ Thị Tr. phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Tr. đã nộp theo biên lai thu số: 0005478 ngày 03/06/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (chị Tr. đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: Chị Tr. có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T. có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòn Đất;
- UBND xã, thị trấn;
- CCTHADS;
- Đường sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo